TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỐC OAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:105/2024/QĐST-DS	*Quốc Oai, ngày 12 tháng 08 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 08 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST–DS ngày 05/ 06/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H**

Trụ sở chính: đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q – Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng, theo Giấy ủy quyền số: 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/07/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP H.

Địa chỉ: Tòa nhà T, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Anh V, sinh năm 1995 theo giấy ủy quyền số: 4903/GUQ-TGDD12 ngày12/6/2024.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1977.

Bà **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm 1981 (vợ ông T1).

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con ông T1, bà T2:

1- Cháu Hoàng Đức M1, sinh ngày 26/08/2007.

2-Cháu Hoàng Thị Ngọc M2, sinh ngày 06/03/2010.

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Ông T1 đại diện theo ủy quyền cho bà T2 theo giấy ủy quyền ngày 10/ 07/2024 và ông T1 đại diện theo pháp luật cho cháu M1 và cháu M2.

Đại diện nguyên đơn và bị đơn; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận cụ thể như sau:

1. Ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP H theo hợp đồng cho vay số: 76.TTH/2018/HĐCV ngày 14/11/2018 và Giấy nhận nợ số: 01/76.TTH/2018/GNN ngày 20/11/2018 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/08/2024 là: 180.368.568 (*Một trăm tám mươi triệu đồng ba trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi tám*) đồng. Trong đó nợ gốc 13.110.018 đồng, nợ lãi trong hạn: 102.851.123 đồng, nợ lãi quá hạn: 64.407.408 đồng.

2. Ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 trả nợ ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất hai bên thoả thuận tại Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký kể từ ngày 04/08/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Về phương thức thanh toán: Chậm nhất ngày 31/08/2024, ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 sẽ tất toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng.

4. Trường hợp gia đình ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để xử lý thu hồi nợ.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 267.1, tờ bản đồ số: 03, địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội diện tích 269.4 m2, *hình thức sử dụng: riêng, Mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT069678, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH1208 do UBND huyện Q, cấp ngày 12/08/2014 cấp cho ông Hoàng Văn T. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 08747.2018/HĐTC, Quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Đ, thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.*

5. Trường hợp tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì gia đình ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

6.Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu: 9.018.424 đồng làm tròn. Làm tròn 9.018.000 *(chín triệu không trăm mười tám nghìn)* đồng. Gia đình ông T1 và bà T2 có đơn xin miễn giảm án phí và có xác

nhận của UBND xã Đ ngày 09/ 08/2024 là gia đình rất khó khăn về kinh tế. Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn ½ án phí cho ông T1 và bà T2. Ông T1và bà T2 còn phải nộp 4.509.000 *(Bốn triệu năm trăm linh chín nghìn)* đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 *(Mười bốn triệu)* đồng theo biên lai thu số: 0020041 ngày 04/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là: 10.000.000 (*mười triệu*) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Kiều Văn Thành